

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt Nhiệm vụ quy hoạch chung xã Quang Lịch,
tỉnh Hưng Yên đến năm 2050**

Mã số thông tin quy hoạch: 332612007012

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HƯNG YÊN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn ngày 26/11/2024; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn ngày 11/12/2025;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: số 178/2025/NĐ-CP ngày 01/7/2025 quy định chi tiết một số điều của Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn; số 34/2026/NĐ-CP ngày 22/01/2026 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 178/2025/NĐ-CP ngày 01/7/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn;

Căn cứ các Thông tư của Bộ Xây dựng: số 16/2025/TT-BXD ngày 30/6/2025 quy định chi tiết một số điều của Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn; số 43/2025/TT-BXD ngày 19/12/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 16/2025/TT-BXD ngày 30/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng; số 17/2025/TT-BXD ngày 30/6/2025 ban hành định mức, phương pháp lập và quản lý chi phí cho hoạt động quy hoạch đô thị và nông thôn;

Căn cứ Quyết định số 475/QĐ-UBND ngày 01/8/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc thành lập Hội đồng thẩm định nhiệm vụ quy hoạch, quy hoạch đô thị và nông thôn thuộc thẩm quyền phê duyệt của Ủy ban nhân dân tỉnh;

Căn cứ Quyết định số 579/QĐ-UBND ngày 27/02/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên phê duyệt Quy hoạch tỉnh Hưng Yên thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Quyết định số 35/2026/QĐ-UBND ngày 03/7/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên ban hành Quy định phân công, phân cấp tổ chức lập, thẩm định, phê duyệt, tổ chức quản lý quy hoạch đô thị và nông thôn; quản lý kiến trúc trên địa bàn tỉnh Hưng Yên;

Theo đề nghị của Ủy ban nhân dân xã Quang Lịch tại Tờ trình số 100/TTr-UBND ngày 06/10/2026 và Báo cáo thẩm định số 836/BC-SXD ngày 23/9/2026 của Sở Xây dựng.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Phê duyệt Nhiệm vụ quy hoạch chung xã Quang Lịch, tỉnh Hưng Yên đến năm 2050 với những nội dung chủ yếu như sau:

1. Phạm vi, quy mô và thời hạn lập quy hoạch

- a) Phạm vi: Gồm toàn bộ địa giới hành chính của xã Quang Lịch, tỉnh Hưng Yên.
- b) Ranh giới cụ thể:
 - Phía Bắc: Giáp phường Trần Lãm;
 - Phía Nam: Giáp xã Kiến Xương;
 - Phía Đông: Giáp xã Bình Nguyên, xã Lê Lợi;
 - Phía Tây: Giáp xã Vũ Quý.
- c) Quy mô dân số hiện trạng: 17.289 người.
- d) Quy mô diện tích: Khoảng 1.492 ha.
- đ) Thời hạn quy hoạch: Đến năm 2050.

2. Quan điểm, mục tiêu của quy hoạch

- Quan điểm: Phát triển xã Quang Lịch phù hợp với định hướng phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Hưng Yên và các quy hoạch có liên quan; khai thác lợi thế về vị trí, giao thông và liên kết với các khu vực đô thị, thương mại, dịch vụ lân cận. Phát triển nông nghiệp theo hướng sản xuất hàng hóa, ứng dụng khoa học công nghệ, gắn với bảo quản, sơ chế, chế biến, tiêu thụ nông sản và dịch vụ hỗ trợ kinh tế nông thôn; đồng thời phát triển thương mại, dịch vụ phù hợp với nhu cầu sản xuất và đời sống nhân dân. Tổ chức không gian dân cư, các khu chức năng và hệ thống hạ tầng đồng bộ, sử dụng hiệu quả quỹ đất, bảo vệ môi trường, cảnh quan và bảo đảm quốc phòng, an ninh.

- Mục tiêu phát triển: Xây dựng xã Quang Lịch trở thành khu vực nông thôn phát triển theo hướng hiện đại, có nền nông nghiệp hàng hóa, chất lượng và hiệu quả cao; phát triển thương mại, dịch vụ và các hoạt động hỗ trợ kinh tế nông thôn, từng bước hình thành các khu vực tập trung dịch vụ, giao thương và cung ứng phục vụ sản xuất và dân cư. Tổ chức hợp lý các khu dân cư, khu vực sản xuất, các công trình công cộng và khu vực trung tâm hành chính - chính trị; hoàn thiện đồng bộ hạ tầng xã hội, hạ tầng kỹ thuật, tăng cường quản lý đất đai, bảo vệ môi trường, phát huy giá trị văn hóa truyền thống, nâng cao chất lượng đời sống nhân dân và bảo đảm quốc phòng, an ninh.

3. Tính chất, vai trò, chức năng của khu vực lập quy hoạch

- Tính chất: Quang Lịch là xã nông thôn có thế mạnh về sản xuất nông nghiệp, định hướng phát triển nông nghiệp hàng hóa, nâng cao giá trị gia tăng, ứng dụng khoa học công nghệ và chuyển đổi số; gắn sản xuất với bảo quản, sơ chế, chế biến, tiêu thụ sản phẩm và các dịch vụ hỗ trợ kinh tế nông thôn. Là khu vực có vị trí kết nối giữa không gian dân cư nông thôn với các khu vực đô thị, thương mại, dịch vụ và phát triển kinh tế; có điều kiện phát triển thương mại, dịch vụ, sản xuất, kinh

doanh phù hợp, đồng thời xây dựng hệ thống dân cư và hạ tầng xã hội, hạ tầng kỹ thuật đồng bộ, gắn với bảo vệ môi trường, cảnh quan và nâng cao chất lượng đời sống nhân dân.

- Vai trò: Là khu vực sản xuất nông nghiệp hàng hóa, chất lượng cao, ứng dụng khoa học công nghệ và chuyển đổi số; góp phần bảo đảm an ninh lương thực, phát triển nông nghiệp xanh và kinh tế tuần hoàn. Là khu vực kết nối không gian sản xuất nông nghiệp với hệ thống dân cư, đô thị, thương mại, dịch vụ và các khu vực phát triển kinh tế lân cận; phát triển thương mại, dịch vụ và các hoạt động hỗ trợ kinh tế nông thôn gắn với bảo quản, sơ chế, chế biến và tiêu thụ nông sản. Đồng thời góp phần hoàn thiện hệ thống hạ tầng, dịch vụ khu vực phía Nam tỉnh, bảo vệ môi trường, cảnh quan và phát huy các giá trị văn hóa địa phương.

- Chức năng: Khu vực phát triển sản xuất nông nghiệp hàng hóa, nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao; phát triển dịch vụ hỗ trợ kinh tế nông thôn; phát triển thương mại, dịch vụ; phát triển các khu dân cư tập trung; bố trí khu vực xây dựng hệ thống các công trình công cộng, trụ sở cơ quan; phát triển hệ thống giáo dục, y tế, văn hóa, thể thao, nâng cao chất lượng đời sống vật chất và tinh thần của người dân; bảo tồn, phát huy các giá trị văn hóa truyền thống, gắn với bảo vệ môi trường và cảnh quan.

4. Sơ bộ dự báo phát triển

- Quy mô dân số quy hoạch: Đến năm 2050 khoảng 22.648 người.

- Các chỉ tiêu về phát triển kinh tế - xã hội, sử dụng đất, hạ tầng xã hội, hạ tầng kỹ thuật, môi trường... được xác định cụ thể trong quá trình lập đồ án quy hoạch, bảo đảm phù hợp quy chuẩn, tiêu chuẩn hiện hành, đặc điểm và yêu cầu phát triển xã.

5. Các yêu cầu cần nghiên cứu đối với các nội dung quy hoạch

- Nghiên cứu, đánh giá hiện trạng, điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội, hệ thống hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội; hiện trạng sử dụng đất, kiến trúc cảnh quan, môi trường; tiềm năng, lợi thế, hạn chế và những vấn đề cần giải quyết trong quá trình lập quy hoạch.

- Xác định yêu cầu, mục tiêu, tính chất, vai trò và các định hướng chủ yếu làm cơ sở lập đồ án quy hoạch chung; nghiên cứu, đề xuất các yêu cầu về tổ chức không gian, sử dụng đất, phát triển hệ thống hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội, kiến trúc cảnh quan, bảo tồn và phát huy giá trị di sản; bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu và các yêu cầu khác có liên quan.

- Nghiên cứu yêu cầu về liên kết vùng, kết nối với hệ thống đô thị, nông thôn, các tuyến giao thông đối ngoại; xác định cấu trúc, định hướng phát triển không gian tổng thể các khu dân cư nông thôn, khu vực sản xuất nông nghiệp, làng nghề, thương mại, dịch vụ, khu chức năng dịch vụ hỗ trợ phát triển kinh tế nông thôn của xã, các khu vực cần bảo tồn và hệ thống trung tâm cấp xã.

6. Các yêu cầu về hồ sơ, sản phẩm quy hoạch và việc lấy ý kiến

- Hồ sơ, sản phẩm quy hoạch thực hiện theo Điều 12 Thông tư số 16/2025/TT-BXD của Bộ Xây dựng, được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 7 Điều 1 Thông tư số 43/2025/TT-BXD của Bộ Xây dựng và các quy định có liên quan.

- Số lượng hồ sơ: 07 bộ.

- Việc lấy ý kiến cơ quan, tổ chức, chuyên gia và cộng đồng dân cư thực hiện theo quy định của pháp luật về quy hoạch đô thị và nông thôn; các ý kiến phải được tổng hợp, giải trình, tiếp thu đầy đủ trước khi hoàn thiện hồ sơ.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

- Cơ quan phê duyệt quy hoạch: Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên.

- Cơ quan thẩm định: Sở Xây dựng.

- Cơ quan tổ chức lập quy hoạch: Ủy ban nhân dân xã Quang Lịch.

- Đơn vị tư vấn lập quy hoạch: Lựa chọn theo quy định của pháp luật hiện hành.

- Thời gian hoàn thành: Không quá 09 tháng kể từ ngày nhiệm vụ quy hoạch được phê duyệt.

Điều 3. Hiệu lực thi hành

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Thủ trưởng các sở, ban, ngành thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường: Quang Lịch, Trần Lãm, Kiến Xương, Bình Nguyên, Lê Lợi, Vũ Quý và các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KT1. 

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Lại Văn Hoàn